

Số: /TB-TTBVTV

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

**Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 16 tháng 8 năm 2022**

I. THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết: Trong tháng có nhiều ngày trời mưa do ảnh hưởng của cơn bão số 2 (tổng lượng mưa là 216,7mm lớn hơn trung bình nhiều năm và lớn hơn cùng kỳ năm 2021). Nhiệt độ trung bình 30,3⁰C (thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021), ẩm độ không khí trung bình 87,0% (cao hơn so với cùng kỳ năm 2021).

2. Cây trồng

*** Cây lúa**

- Trà mùa sớm

+ Lúa cấy: Ôm đòng - Trổ bông, phơi màu;

+ Lúa gieo sạ: Ôm đòng - Trổ bông.

- Trà mùa trung

+ Lúa cấy: Cuối đẻ nhánh - Phân hoá đòng;

+ Lúa gieo sạ: Đẻ nhánh rộ - Cuối đẻ nhánh.

- Trà mùa muộn: Đẻ nhánh rộ.

*** Cây ngô:** 3- 6 lá.

*** Cây nhãn:** Thu hoạch.

*** Cây lạc:** Hoa rộ - Đâm tia.

*** Cây dưa:** Phát triển quả - Thu hoạch.

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU ĐẾN NGÀY 15 THÁNG 8

1. Trên lúa

1.1. Ốc bươu vàng: Gây hại cục bộ trên các trà lúa ngay sau cấy và gieo sạ, mật độ phổ biến: 1-3 con/m², nơi cao: 5-7 con/m²; cá biệt: >10 con/m². Đến nay diện tích nhiễm ốc bươu vàng trên toàn tỉnh là 763,0 ha (gấp 4,5 lần so với vụ Mùa năm 2021), trong đó diện tích nhiễm nặng là 20 ha (huyện Yên Mô, Nho Quan, Yên Khánh...), diện tích phòng trừ là 725 ha. Lượng ốc bươu vàng bắt thủ công là 73.300 kg. Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa năm 2021.

1.2. Chuột: Gây hại trên các trà lúa, hại nặng những diện tích lúa gieo, cấy không tập trung, ven làng ven thỏ, ven đê gần các khu công nghiệp, đất trồng,... Tỷ lệ hại nơi cao: 5-10%; cá biệt trên 20% số danh. Đến nay tổng diện tích nhiễm là 53,9 ha, diện tích nhiễm nặng là 2,5 ha. Quy mô, mức độ hại tương đương so với cùng kỳ vụ Mùa năm 2021. Toàn tỉnh đã bắt và diệt được 89.700 con chuột bằng biện pháp thủ công, sử dụng 4.820 kg thuốc hoá học để diệt chuột.

1.3. Rầy nâu, rầy lưng trắng: Lúa 5 đã gây hại rải rác trên các trà lúa ở các huyện, thành phố, mật độ rầy hiện tại trên đồng ruộng trung bình: 60 con/m², nơi cao: 100-200 con/m²; cá biệt: 300-500 con/m² T_{4-5,tt} (huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh,...). Trứng rầy lúa 6 đã xuất hiện, mật độ nơi cao: 300-500 quả/m², cá biệt: 700-1.000 quả/m² (huyện Yên Mô, Kim Sơn, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ hại cao hơn so với cùng lúa vụ Mùa năm 2021.

1.4. Sâu cuốn lá nhỏ: Lúa 5 gây hại rải rác trên các trà lúa, mật độ sâu trung bình: 0,7 con/ m²; nơi cao: 1-2 con/m²; cá biệt: 5-7 con/m² T_{4-5, N} (huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư...). Quy mô, mức độ gây hại thấp hơn vụ Mùa năm 2021.

1.5. Sâu đục thân lúa hai chấm: Lúa 4 gây hại cục bộ trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa mùa sớm ở các huyện Yên Mô, Nho Quan, Gia Viễn,... Tỷ lệ hại nơi cao: 0,5-1%; cá biệt 2-3% danh héo, bông bạc. Quy mô, mức độ hại tương đương so với cùng lúa vụ Mùa năm 2021.

1.6. Bệnh lùn sọc đen: Từ đầu vụ đến nay đã thu **1.660** mẫu rầy và **37** mẫu lúa tại các huyện, thành phố trong tỉnh để giám định virus lùn sọc đen. Kết quả giám định:

- Đối với mẫu rầy: Có 04/1.660 mẫu dương tính với virus lùn sọc đen (chiếm 0,2%) ở xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh.

- Đối với mẫu lúa: Có 26/37 mẫu lúa dương tính với virus lùn sọc đen (chiếm 70,3%) ở xã Thượng Kiệm, Định Hoá, huyện Kim Sơn; xã Yên Bình, thành phố Tam Điệp.

1.7. Bệnh đốm sọc vi khuẩn: Xuất hiện và gây hại cục bộ trên trà lúa mùa sớm diện xanh tốt, bón thừa đạm, bón muộn, bón không cân đối, giống nhiễm (huyện Nho Quan, Yên Khánh,...). Tỷ lệ bệnh nơi cao: 5-10%; cá biệt: 20-40% số lá. Tổng diện tích nhiễm bệnh đốm sọc vi khuẩn đến nay là 11 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng là 02 ha. Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ vụ Mùa năm 2021.

1.8. Bệnh khô vằn: Gây hại cục bộ trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa mùa sớm, tỷ lệ bệnh nơi cao: 10-20%; cá biệt: 30-40% số danh (huyện Nho Quan, Yên Mô...). Tổng diện tích nhiễm bệnh khô vằn đến nay là 180 ha. Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ vụ Mùa năm 2021.

Ngoài ra, lúa cỏ gây hại rộng trên trà lúa gieo sạ, bệnh lép đen hạt, nhện gié hại cục bộ.

2. Trên cây trồng khác

2.1. Trên cây ngô

* **Sâu keo mùa thu:** Gây hại cục bộ trên các trà ngô, mật độ nơi cao: 3-5 con/m², cá biệt: 7-10 con/m² (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...). Tổng diện tích nhiễm là 26 ha (chiếm 27,4% so với cùng kỳ vụ Mùa năm 2021), trong đó diện tích nhiễm nặng là 03 ha, diện tích phòng trừ là 10 ha. Quy mô, mức độ hại thấp hơn cùng kỳ vụ Mùa năm 2021.

2.2. Trên cây lạc

- Sâu cuốn lá: Gây hại rải rác trên các trà lạc. Mật độ nơi cao: 1-3 con/m²; cá biệt: 5-7 con/m² (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa năm 2021.

- Sâu khoang: Gây hại cục bộ trên các trà lạc. Mật độ nơi cao: 2-3 con/m²; cá biệt: 5-10 con/m² (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa năm 2021.

2.3. Trên cây dứa

- Rệp sáp: Gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao: 1-3% số cây. Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021.

- Bệnh thối nõn: Gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao: 3-5% số cây (TP Tam Điệp). Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SVGH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 2022

1. Trên lúa

1.1. Rầy nâu, rầy lưng trắng: Rầy cám lúa 6 sẽ nở rộ từ ngày 24/8-04/9, mật độ phổ biến: 300-400 con/m²; nơi cao: 1.000-1.500 con/m²; ổ trên 3.000 con/m² (huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,...). Nếu không phát hiện và phun trừ kịp thời, nhiều diện tích bị hại nặng sẽ làm đổ lúa trên trà Mùa trung hoặc gây cháy ổ trên trà lúa mùa sớm đang ở giai đoạn chắc xanh - chín. Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa năm 2021.

1.2. Sâu cuốn lá nhỏ: Bướm sâu cuốn lá nhỏ lúa 6 sẽ ra rộ từ ngày 22/8-02/9, sâu non nở rộ từ ngày 28/8-08/9, gây hại rộng trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa mùa trung ở các huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,... Mật độ sâu phổ biến: 30-40 con/m²; nơi cao: 70-100 con/m²; cá biệt trên 200 con/m² (huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa năm 2021.

1.3. Sâu đục thân lúa hai chấm: Trưởng thành lúa 5 ra rộ từ ngày 18/8- 08/9, sâu non sẽ nở rộ từ ngày 25/8-15/9 gây hại trên các trà lúa, đặc biệt hại nặng trên trà lúa trở sau ngày 05/9 ở các huyện: Yên Mô, Nho Quan, Gia Viễn... và sau ngày 15/9 ở các huyện Yên Khánh, Kim Sơn, TPTĐ. Tỷ lệ hại nơi cao: 1-3%; cá biệt 7-10% đồng héo, bông bạc (huyện Yên Mô, Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, TP Tam Điệp...). Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa năm 2021.

1.4. Chuột: Tiếp tục hại tăng trên trà lúa mùa trung, mùa muộn ở các huyện, thành phố, đặc biệt hại nặng ở các vùng lúa gieo, cấy không tập trung, ven làng, ven gò, ven thỏ, ven đê,... Tỷ lệ hại nơi cao: 7-10%; cá biệt trên 20% số danh (huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Mùa năm 2021.

1.5. Bệnh lùn sọc đen: Gây hại cục bộ trên trà lúa mùa trung và mùa muộn. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 1-3%; cá biệt 5-7% số danh (huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Mùa năm 2021.

1.6. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: Gây hại cục bộ trên các trà lúa diện xanh tốt, bón thừa đạm, bón muộn, bón không cân đối, giống nhiễm như: LT2, Bắc thơm số 7, Thiên ưu 8,... Bệnh tăng nhanh và gây hại rộng sau những trận mưa, giông, bão. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 20-30%; cá biệt >50% số lá. Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa năm 2021.

1.7. Bệnh khô vằn: Gây hại cục bộ trên các trà lúa diện xanh tốt, bón thừa đạm, bón muộn, bón không cân đối, giống nhiễm như: LT2, Bắc thơm số 7, Thiên ưu 8,... Bệnh tăng nhanh và gây hại rộng sau những trận mưa, giông, bão. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 20-30%; cá biệt >50% số lá. Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

1.8. Lúa cỏ: Tiếp tục gây hại trên các trà lúa, đặc biệt nặng trên trà lúa Mùa trung gieo sạ. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 1-3%; cá biệt 5-10% số danh (huyện Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư...) nếu không quản lý kịp thời nguy cơ gây hại trên diện rộng làm ảnh hưởng đến năng suất lúa. Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Mùa năm 2021.

Ngoài ra, bệnh lép đen hạt, nhện gié, sâu cắn gié tiếp tục hại cục bộ.

2. Trên cây trồng khác

2.1. Trên cây ngô

* **Sâu keo mùa thu:** Tiếp tục gây hại cục bộ trên các trà ngô. Mật độ nơi cao: 5-7 con/m², cá biệt: 10-15 con/m² (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...).

2.2. Trên cây lạc

- **Sâu cuốn lá:** Tiếp tục gây hại trên các trà lạc ở giai đoạn đâm tia, quả non. Mật độ phổ biến: 1-3 con/m²; nơi cao: 5-7 con/m²; cá biệt 10-15 con/m² (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

- **Sâu khoang:** Tiếp tục gây hại cục bộ trên các trà lạc. Mật độ phổ biến: 3-5 con/m²; nơi cao: 10-20 con/m², cá biệt ở trên 30 con/m² (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

- **Bệnh đốm lá:** Hại rộng trên tất cả các giống lạc ở các vùng trồng lạc trong tỉnh. Tỷ lệ bệnh phổ biến: 3-5%; nơi cao: 10-20%; cá biệt 30-50% số lá (huyện Nho Quan, Yên Mô, TP Tam Điệp,...). Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Mùa 2021.

2.3. Trên cây lúa

- Rệp sáp: Tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao: 1-3% số cây. Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021.

- Bệnh thối nõn: Tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao: 3-5% số cây (TP Tam Điệp). Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021.

IV. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO

1. Tập trung chăm sóc lúa, chủ động điều tiết nước hợp lý, bón phân kali cho diện tích lúa mùa trung ở giai đoạn phân hoá đòng, tạo cho cây lúa khoẻ, tăng cường khả năng chống chịu các đối tượng sinh vật hại, đặc biệt là bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn.

2. Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, phân rõ các trà lúa, theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, diễn biến các đối tượng sinh vật gây hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời khi tới ngưỡng (Chú ý: Chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân lúa hai chấm, sâu cuốn lá nhỏ,... trên cây lúa; sâu keo mùa thu trên cây ngô). Cụ thể:

* **Đối với chuột:** Triển khai tốt Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức cộng đồng quản lý chuột hại bảo vệ sản xuất nông nghiệp năm 2022.

* **Đối với bệnh lùn sọc đen**

- Thực hiện các biện pháp phòng trừ bệnh lùn sọc đen theo Kế hoạch số 1353/KH-SNN ngày 17/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa Mùa năm 2022.

* **Đối với lúa cỏ:** Tiếp tục thực hiện Hướng dẫn số 01/HD-TTBVTV ngày 20/6/2022 của Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật về biện pháp quản lý lúa cỏ vụ Mùa 2022.

3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn.

Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố căn cứ vào thông báo của Chi cục và tình hình cụ thể của địa phương tham mưu, hướng dẫn các HTX và bà con nông dân phòng trừ kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do các đối tượng sinh vật hại gây ra./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Bắc (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp;
- Trung tâm Khuyến nông, KL, KN;
- Trung tâm DVNN các huyện, TP;
- Đài PTTH, Báo Ninh Bình;
- Lưu :VT, KDTV.

NTH

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Đinh Thị Thao

